TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đọc lập- Tự do- Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/11/2018
"V/v tranh chấp HN và GĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Quyên.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Nghiêm**, bà **Nguyễn Thị Hoài**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/10/2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1979.
HKTT: Thanh Miện, Hải Dương.
****Bị đơn*:** Anh **Vũ Duy K**, sinh năm 1978.
HKTT: Thanh Miện, Hải Dương.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Ngọc K** - Chủ tịch Hội đồng thành viên.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đức N** - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

(Có mặt: nguyên đơn, bị đơn; vắng mặt: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 11/9/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh K được khoảng 3 tháng thì vợ chồng xây nhà nhỏ trên đất của gia đình chồng và ở riêng. Năm 2005

vợ chồng mua đất, năm 2007 thì làm nhà và chuyển ra nhà mới ở cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, không thống nhất về cách chi tiêu, quản lý kinh tế…ngoài ra anh K còn chơi cờ bạc ảnh hưởng nhiều đến kinh tế gia đình. Vợ chồng nhiều lần xảy ra xích mích, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đã đưa hai con thuê nhà tại An Lâu ở riêng từ tháng 10/2016, sau đó mẹ con chị chuyển về nhà ngoại ở. Tháng 11/2016, anh K làm đơn xin ly hôn chị, sau đó anh K lại rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn mà mỗi người vẫn sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Vợ chồng chị cú hai con chung là Vũ Hoàng P, sinh ngày 03/7/2003 và Vũ Khánh H, sinh ngày17/02/2008. Hiện hai con chung đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin nuôi hai con chung, chị yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung vì chị có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định.

- Về tài sản chung: Chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng gồm quyền sử dụng 113,2m^2 đất ở, tại thửa số 82b, tờ bản đồ số 11; UBND huyện Thanh Miện cấp giấy CNQSD đất mang tên vợ chồng ngày 26/11/2004; trên đất có nhà 2 tầng, công trình phụ khép kín tại thôn Đ, xã H. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án chia tài sản nào khác.

Chị xác định công sức của vợ chồng ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung vì năm 2005 vợ chồng mua đất, nguồn tiền để mua là do vợ chồng vay hoàn toàn; sau đó chị sử dụng vốn riêng của chị có trước khi kết hôn, bố đẻ chị cho, chị gái chị cho vay để trả cơ bản tiền vay mua đất...các chi phí đó tương đương việc năm 2007 vợ chồng làm nhà hết khoảng 230.000.000 đồng trong đó có sử dụng khoản tiền anh Kiên bán đất là tài sản của anh có trước khi kết hôn là 165.000.000 đồng. Chị đề nghị được sở hữu nhà, đất; chị sẽ có trách nhiệm thanh toán một lần tiền để anh Kiên tạo lập nơi ở mới; trường hợp Tòa án giao nhà đất cho anh K thì chị yêu cầu anh K cũng phải thanh toán một lần tiền để mẹ con chị có điều kiện tạo lập nơi ở mới.

Về nợ: Chị đề nghị Tòa án phân chia số nợ chung của vợ chồng còn lại là 50.000 đồng và lãi phát sinh. Nguồn gốc số nợ do vợ chồng cùng đứng tên vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thanh Miện (viết tắt là Ngân hàng) vào tháng 10/2015 là 100.000.000 đồng tiền gốc, mục đích vay để sửa nhà, chị là người nhận tiền từ Ngân hàng; khi làm thủ tục vay tiền, vợ chồng chị thỏa thuận giao cho Ngân hàng giấy CNQSD mang tên hai vợ chồng. Trước khi vay tiền Ngân hàng, chị và anh K đã thống nhất qui ước: thu nhập của chị để chi tiêu sinh hoạt gia đình, thu nhập của anh K để trả nợ đồng thời tại thời điểm vay tiền, anh K thông báo với chị là lương của anh hiện đang chơi họ, khi nào lấy họ anh sẽ trả Ngân hàng. Sau khi vợ chồng ly thân, anh K đã trả được 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Hiện còn nợ 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Theo chị toàn bộ số nợ Ngân hàng lẽ ra anh K phải có trách nhiệm trả vì trước khi vay vợ chồng đã thống nhất, tuy nhiên nay anh K

không đồng ý nên chị đề nghị Tòa án xác định đó là nợ chung của vợ chồng và giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Trong bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà bị đơn anh Vũ Duy K trình bày*:**

Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị H trình bày. Anh thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn một phần do anh chơi bời có ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nhưng phần khác do chị H có thái độ cư xử không đúng mực với anh và mẹ đẻ anh. Tháng 10/2016 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị H tự mang hai con đi nơi khác ở mà không ở cùng mẹ con anh, anh đã viết đơn xin ly hôn chị H gửi Tòa án, sau đó anh được biết việc giải quyết ly hôn liên quan đến các con và các vấn đề khác, anh không muốn ảnh hưởng đến các con nên anh đã rút đơn về nhưng hai bên đều không có thiện chí để cải thiện mối quan hệ vợ chồng mà vợ chồng tiếp tục sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, kéo dài; tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh nhất trí.

Vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày. Ly hôn, anh xin được nuôi một con mặc dù anh biết cả hai con có nguyện vọng ở với mẹ. Anh không đồng ý để chị H nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định các tài sản chị H yêu cầu chia là tài sản chung của vợ chồng . Ngoài ra, anh không yêu cầu chia tài sản nào khác.

Anh xác định, anh có công sức nhiều hơn trong việc tạo lập khối tài sản chung vợ chồng vì sau khi vợ chồng mua đất, năm 2007 anh chuyển nhượng một thửa đất của bố mẹ anh tách cho trước khi anh kết hôn được khoảng 170.000.000 đồng để vợ chồng làm nhà như hiện nay, trong khi đó tổng chi phí làm nhà hết khoảng 230.000.000 đồng. Vì vậy anh đề nghị được hưởng kỷ phần tài sản lớn hơn chị H và anh xin được sở hữu nhà, đất; anh sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H bằng tiền.

- Về nợ: Anh thừa nhận tháng 10/2015 vợ chồng có vay số tiền như chị H trình bày, vợ chồng chỉ giao giấy CNQSD đất cho Ngân hàng để tín chấp chứ hai bên không ký kết hợp đồng bảo lãnh. Sau khi chị H đi ở nơi khác, đến hạn anh trực tiếp trả Ngân hàng 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Nguồn tiền để trả do anh tiết kiệm từ tiền lương và trả trong 2 đợt. Số tiền nợ còn lại là 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh là nợ của riêng chị H chứ không phải là nợ chung của vợ chồng vì toàn bộ số nợ trên, vợ chồng vay để sửa nhà, nhà là tài sản chung của vợ chồng và sau khi vợ chồng ly thân anh đã trả một nửa số nợ gốc là 50.000.000 đồng. Anh không nhất trí trả 1/2 số nợ còn lại của Ngân hàng như chị H đề xuất mà anh đề nghị Tòa án xác định là nợ của riêng chị H, chị H có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Quá trình khai tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đức N** - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thanh Miện trình bày:

Ngày 17/10/2015 Ngân hàng và anh Vũ Duy K, chị Trần Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng số 20151701.03HĐTD với nội dung: anh K, chị H có vay Ngân hàng số tiền gốc: 100.000.000 đồng; phương thức cho vay: theo hạn mức tín dụng; thời hạn của

hạn mức tín dụng: 36 tháng; thời hạn hiệu lực cuối cùng của hạn mức tín dụng: 15/10/2018; mục đích vay vốn: chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình; hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không bảo đảm bằng tài sản. Tuy nhiên theo cam kết của hai bên thì Ngân hàng hiện đang quản lý giấy CNQSD đất mang tên anh Vũ Duy K và chị Trần Thị H; dư nợ gốc đến ngày 02/11/2018 là: 50.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 02/11/2018 là: 4.571.800 đồng. Toàn bộ khoản vay của anh K, chị H đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Đến thời điểm hiện tại, anh K và chị H không trả nợ Ngân hàng theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết.

Nay chị H, anh K giải quyết việc ly hôn, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh K, chị H thanh toán hết số nợ vay Ngân hàng bao gồm: nợ gốc 50.000.000 đồng; nợ lãi đến ngày 02/11/2018: 4.571.800 đồng, cộng = 54.571.800 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ các Điều: 51, 56; 59; 62, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị TrÇn ThÞ H¹nh và anh Vò Duy Ki¸n.

- Về con chung: Giao cho chị TrÇn ThÞ H¹nh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Vò Hoµng Phong, sinh 03/7/2003 và Vũ Khánh Huyền, sinh 17/02/2008. Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H là 1.000.000 đồng/1 con chung/tháng; 2 con chung = 2.000.000 đồng kể từ tháng 11/2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Kiên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Giao cho anh Vũ Duy K: Quyền sử dụng 113,2m^2 ®Êt ở, tại thửa số 82b, tờ bản đồ số 11 thuộc thôn Đ, xã H, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương và quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất (nhà 2 tầng, công trình phụ khép kín). Tổng giá trị tài sản là: 660.633.000 đồng.

Anh Kiên có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị H là 272.727.900 đồng.

- Về nợ: Xác định số nợ Ngân hàng là nợ chung của vợ chung. Giao cho anh K có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ Ngân hàng.

- Về án phí: Chị H, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng**: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng) vắng mặt

nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

***Về nội dung:**

{1} Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Vũ Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 11/9/2002, đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị H, anh K thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Tháng 11/2016, anh Kiên làm đơn xin ly hôn chị H, sau đó anh K lại rút đơn nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn mà mỗi người vẫn sống một nơi, không quan tâm đến nhau.Chị H xin ly hụn, anh K nhất trớ. Do vậy HĐXX xử công nhận sự thuận tỡnh ly hụn của anh chị, phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hụn nhỡn và Gia đỡnh.

{2} Quan hệ con chung: Chị H, anh K cú hai con chung là Vũ Hoàng P, sinh 03/7/2003 và Vũ Khánh H, sinh 17/02/2008. Anh, chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung; khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh, chị là tương đương nhau vì anh, chị đều là giáo viên, có việc làm, thu nhập ổn định. Tuy nhiên nguyện vọng của cháu P và cháu H đều xin được ở với mẹ, thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân, cơ bản chị Hạnh là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con, các cháu đều được chăm sóc chu đáo, đảm bảo phát triển về thể chất và tinh thần; nơi ở của 3 mẹ con ổn định, lâu dài. Vì vậy nên tiếp tục giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H thì thấy: Hiện mức lương của chị H là 6.987.000/tháng, mức lương của anh K là 7.289.000/tháng nên để đảm bảo duy trì mức sống bình thường của các con, buộc anh Kiên phải cấp dưỡng nuôi 1 con chung = 1.000.000 đồng/tháng, 2 con chung = 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

{3} Quan hệ tài sản chung: Chị H, anh K thống nhất các tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất mà chị H yêu cầu chia là tài sản chung vợ chồng, tổng trị giá nhà, đất = 660.633.000 đồng.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ:

Qua xem xét, thẩm định thực tế thì phần diện tích đất của chị H, anh K có biến động (trong giấy CNQSD đất là 120m^2), nguyên nhân của sự biến động do địa phương mở rộng đường bê tông ở phía trước thửa đất và trừ hành lang máng tiêu nước của tập thể ở phía sau thửa đất nên diện tích thực tế chỉ còn là 113,2m^2. Anh Kiên, chị Hạnh nhất trí kết quả khi Tòa án đo đạc thực tế để làm căn cứ giải quyết.

Chị H và anh K đều xác định giá nhà, đất mà HĐĐG xác định như vậy là không phù hợp thực tế, chị Hạnh cho rằng mức giá như vậy là thấp còn anh K cho rằng mức giá như vậy là cao. Tuy nhiên chị H và anh K đều xác định không yêu cầu mời tổ chức thẩm định nào khác, không yêu cầu định giá lại. Vì vậy HĐXX căn cứ vào số liệu đo đạc thực tế và giá mà HĐĐG đã kết luận để giải quyết vụ án.

Chị Hạnh, anh K không thống nhất về công sức của mỗi bên trong việc tạo lập khối tài sản chung.

Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, chị H xác định việc bố đẻ chị cho, chị gái chị cho vay là có thật nhưng sau đó chị đã tự thu xếp để trả hết nợ của những người cho vay; bản thân chị đề nghị Tòa án không đưa những người này vào tham gia tố tụng vì sự việc giữa hai bên đã giải quyết xong; chị không có tài liệu, chứng cứ để xuất trình về việc gia đình đẻ chị có hỗ trợ khi vợ chồng mua đất, trong khi anh Kiên không thừa nhận; Việc anh Kiên bán đất là tài sản riêng của anh có trước khi kết hôn để vợ chồng làm nhà là có thực và đã được chị Hạnh thừa nhận nên có căn cứ để xác định anh Kiên có công sức lớn hơn trong việc tạo lập khối tài sản chung nên anh Kiên được hưởng kỷ phần tài sản lớn hơn chị Hạnh theo tỷ lệ khoảng 57/43.

Quan điểm của chị H xin được giao nhà, đất và thanh toán chênh lệch tài sản cho anh K một lần để anh K tạo lập nơi ở mới cũng là nhu cầu, nguyện vọng, đề xuất chính đáng khi vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên thực tế từ năm 2016 đến nay 3 mẹ con chị không ở trên nhà, đất đó; chị vẫn tổ chức được cuộc sống của 3 mẹ con ổn định; như trên đã phân tích chị chứng minh điều kiện thuận lợi để chị nuôi cả hai con chung vì chị có nơi ở ổn định, lâu dài nhờ sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ. Tại buổi hòa giải ngày 03/7/2018 chị đã nhất trí để anh Kiên sở hữu nhà, đất. Như vậy để xác định nhu cầu về nơi ở của mẹ con chị không phải là nhu cầu cấp bách.

Ngược lại, phía anh K ngay từ đầu vẫn giữ nguyên quan điểm xin được sở hữu nhà, đất vì bố mẹ anh trực tiếp ở với anh; nhà, đất có nguồn gốc của bố mẹ, năm 2007 vợ chồng đã bán để làm nhà; bố anh đã chết, hiện mẹ anh đã ngoài 80 tuổi, nhà của vợ chồng cũng là nơi thờ cúng những người đã mất của gia đình anh; là nơi tụ họp của các thành viên khác trong gia đình những ngày giỗ tết… bản thân anh và mẹ đẻ anh không còn nơi ở nào khác, vì vậy cần giao cho anh K được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản trên đất, anh K phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho chị H phù hợp quy định tại các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình.

{4} Về nợ: Chị H, anh K thống nhất số tiền vay Ngân hàng, hình thức, mục đích vay và các cam kết khác khi vay; số tiền đã trả Ngân hàng; người trực tiếp trả tiền. Hai bên đang tranh chấp về việc xác định số nợ gốc còn lại là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 02/11/2018 = 4.571.800 đồng, cộng gốc và lãi = 54.571.800 đồng.

HĐXX xét thấy: Trong suốt quá trình duy trì hôn nhân, anh, chị không có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng. Tại biên bản hòa giải ngày 03/7/2018 anh K xác định "*Nguồn tiền để trả 50.000.000 đồng do tôi tiết kiệm từ lương dồn lại và trả 2 kỳ mới xong 50.000.000 đồng và lãi*" . Trong khi đó khoản 2 Điều 33 Luật HN và GĐ quy định: "*Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng*" và Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 quy định: "*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh và những thu nhập hợp pháp khác của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*" Như vậy xác định khoản tiền anh K đã thanh toán nợ Ngân hàng là tài sản chung của vợ chồng, dùng để thanh toán nghĩa vụ chung. Số tiền gốc còn nợ Ngân hàng và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà anh chị đã ký kết là nợ chung của vợ chồng. Nay anh, chị ly hôn nên chia cho anh, chị mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số nợ tính đến ngày 02/11/2018 = 27.285.900 đồng và số lãi phát sinh tương

ứng số nợ gốc của mỗi bên đến khi tất toán số nợ cho Ngân hàng phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Giấy chứng nhận QSD đất mang tên anh K, chị H do Ngân hàng quản lý sẽ được trả cho anh K khi anh K, chị H thanh toán xong khoản nợ Ngân hàng.

{4} Về án phí: Chị H, anh K thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn và phải chịu án phí chia tài sản tương ứng kỷ phần tài sản được hưởng; chịu án phí nghĩa vụ trả nợ tương ứng số tiền phải trả; anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; 56; 59; 62; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 1 Điều 228 BLTTDS; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1 - Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Vũ Duy K.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung Vò Hoµng P, sinh ngµy 03/7/2003 vµ Vò Knh H, sinh ngµy 7/02/2008;

Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một con chung = 1.000.000 đồng/tháng; hai con chung = 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2018 đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Anh K vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về quan hệ tài sản chung:

- Giao cho anh Vũ Duy K: Quyền sử dụng 113,2m^2 đất ở tại thửa số 82b, tờ bản đồ số 11 tại thôn Đông La, xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, tứ cận: cạnh giáp đường xóm = 4m; cạnh giáp mương tập thể = 4m; cạnh giáp đất ông Vũ Kim C = 28,3m; cạnh giáp đất ông Vũ Kim V = 28,3m; trị giá = 203.760.000 đồng và quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất gồm nhà 2 tầng, công trình phụ khép kín, bán mái, tường bao, sân, cổng trị giá = 456.873.000 đồng. Tổng cộng tài sản giao cho anh Kiên= 660.633.000 đồng.
- Anh Vũ Duy K có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Trần Thị H là 284.073.000 đồng.

4- Về nợ: Chị Trần Thị H, anh Vũ Duy K có trách nhiệm thanh toán số nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương - Phòng giao dịch Hồng Quang cụ thể như sau:

- Chị Trần Thị Hạnh: 25.000.000 đồng tiền gốc + 2.285.900 đồng lãi trong hạn, lãi quá hạn, cộng = 27.285.900 đồng và số lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ.

- Anh Vũ Duy K: 25.000.000 đồng tiền gốc + 2.285.900 đồng lãi trong hạn, lãi quá hạn, cộng = 27.285.900 đồng và số lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương - Phòng giao dịch Hồng Quang có trách nhiệm trả lại giấy CNQSD đất mang tên anh Vũ Duy K và chị Trần Thị H cho anh K khi anh K và chị H thanh toán xong toàn bộ nợ.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

5- Về án phí:

-Chị Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm gồm: 75.000 đồng án phí ly hôn; 12.839.300 đồng án phí chia tài sản; 1.364.300 đồng án phí nghĩa vụ trả nợ. Cộng = 14.278.600 đồng được đối trừ 4.050.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số AB/2014/0004196 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị H còn phải nộp 10.228.600 đồng án phí.

- Anh Vũ Duy K phải chịu phải chịu án phí sơ thẩm gồm: 75.000 đồng án phí ly hôn; 300.000 đồng án phí dân sự (cấp dưỡng); 17.463.700 đồng án phí chia tài sản; 1.364.300 đồng án phí nghĩa vụ trả nợ. Cộng = 19.203.000 đồng.

6- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án (phần có liên quan) trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thanh Miện;*
-*Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên